

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Đỗ Thị Thúy	Ái				4	3	1992	02 Lê Hồng phong, khu phố Long Phước, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán- Kiểm toán		BRV00002		55.00	45.00	62.50		BRV00052
2	Đoàn Thị Tú	Anh				20	2	1991	Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Kế toán ngân hàng		BRV00060		VT	VT	VT		BRV00138
3	Lê Hoàng	Anh				5	6	1988	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học New South Wales	Kế toán, Tài chính		BRV00072		VT	MT	VT		BRV00036
4	Lê Thị Thùy	Anh				25	2	1990	Đồng Á, Đồng Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Kế toán Doanh nghiệp		BRV00076		VT	VT	VT		BRV00123
5	Nguyễn Thị Vân	Anh				1	9	1991	Quỳnh Hội, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00117		75.00	47.50	60.00		BRV00091
6	Trần Thị Quỳnh	Anh				24	6	1989	Xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh nghệ An	Trường Đại học Công Đoàn Hà Nội	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BRV00141		VT	VT	VT		BRV00093
7	Phạm Vũ Tiểu	Bảo				6	2	1991	Thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TPHCM	Kế toán		BRV00183		VT	VT	VT		BRV00073
8	Tổng Thị	Bích				8	10	1991	Thanh Hóa	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00205		57.50	35.00	47.50		BRV00109
9	Võ Thị Ngọc	Châu				27	4	1991	6/3C ấp An Lộc, xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00292		VT	VT	VT		BRV00084
10	Đoàn Trương	Chi				7	1	1994	Hà Tĩnh	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		BRV00295		52.50	46.25	70.00		BRV00070
11	Nguyễn Thị	Chín				16	1	1993	Xã Phước Tuy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	Trường Đại học mở TP.HCM	Tài chính		BRV00334		75.00	57.50	82.50		BRV00026
12	Bùi Thái	Cường	21	11	1993				Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Công Đoàn Hà Nội	Quản trị kinh doanh		BRV00381		42.50	46.25	65.00		BRV00150
13	Trần Xuân	Cường	18	12	1991				Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	Tài chính - Ngân hàng		BRV00404		VT	VT	VT		BRV00079
14	Nguyễn Tấn	Đạt	28	4	1984				176, phu phố Phước Sơn, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00456		VT	VT	VT		BRV00151
15	Nguyễn Thị Huyền	Diệu				5	9	1994	Trường Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh	Học Viện Tài chính	Tài chính doanh nghiệp		BRV00540		85.00	87.50	72.50		BRV00103
16	Lưu Minh	Đức	28	2	1993				Ninh Bình	Trường Đại học lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BRV00565		47.50	57.50	57.50		BRV00033
17	Đặng Thị	Dung				15	8	1988	xóm 6, xã Hồng Long, huyện Nma Đan, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV00576		VT	VT	VT		BRV00065
18	Đinh Thị	Dung				19	10	1992	Xã Ninh Khang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học mở Địa Chất	Kế toán Doanh nghiệp		BRV00578		VT	VT	VT		BRV00064
19	Nguyễn Thị Thùy	Dung				20	1	1991	36B khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế Luật	Kế toán - Kiểm toán		BRV00604		VT	VT	VT		BRV00099
20	Nguyễn Thị Thùy	Dung				9	2	1989	Xã Xuân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Kế toán- Kiểm toán		BRV00602		85.00	60.00	50.00		BRV00025
21	Nguyễn Thị Thùy	Dung				16	5	1987	Thái Bình	Trường Đại học Tài chính Marketing	Quản trị kinh doanh		BRV00601		77.50	52.50	90.00		BRV00005

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
22	Nguyễn Lê Thanh	Dũng	1	5	1991				Tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính công		BRV00636		VT	VT	VT		BRV00120
23	Bùi Thị Thủy	Dương				25	1	1994	Tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Kinh tế- Luật	Kế toán		BRV00652		VT	VT	VT		BRV00124
24	Phạm Anh	Duy	12	3	1991				Hà Nội	Trường Đại học Văn lang	Kế toán		BRV00704		92.50	66.25	82.50		BRV00082
25	Nguyễn Thị Thủy	Hà				10	4	1982	Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV00846		VT	VT	VT		BRV00102
26	Phạm Thị Ngọc	Hà				23	11	1993	Bình Thuận	Trường Đại học mở TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV00854		60.00	58.75	65.00		BRV00001
27	Trần Thị Thu	Hà				1	5	1993	Hà Tĩnh	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BRV00868		87.50	70.00	82.50		BRV00086
28	Nguyễn Bùi Vũ	Hải				22	3	1989	Hải Phòng	Trường Đại học Tài chính Marketing	Kế toán		BRV00880		55.00	48.75	65.00		BRV00054
29	Bùi Thị	Hằng				13	9	1985	Xã Yên Tiến, Huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Ngân hàng	Con BB	BRV00906	20	80.00	73.75	77.50		BRV00003
30	Đinh Thị Thu	Hằng				7	5	1992	Hà Tĩnh	Trường Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán		BRV00911		VT	VT	VT		BRV00043
31	Nguyễn Thị Thúy	Hằng				3	3	1993	xóm 7, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Luật học		BRV00944		75.00	43.75	72.50		BRV00012
32	Văn Thị Mỹ	Hạnh				25	9	1988	Long An	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV00997		VT	VT	VT		BRV00068
33	Nguyễn Hồng	Hào	13	5	1987				tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		BRV01005		VT	VT	VT		BRV00072
34	Phạm Thị	Hiên				15	7	1992	Thôn Hoàng Tường, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh hải Dương	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán tài chính		BRV01024		45.00	51.25	65.00		BRV00057
35	Vũ Thị	Hiên				25	11	1987	xóm 2, xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Quốc Gia TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BRV01025		VT	VT	VT		BRV00081
36	Quách Diệu	Hiên				14	2	1989	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghệ TP.HCM	Kế toán		BRV01069		72.50	61.25	77.50		BRV00028
37	Trần Thu	Hiên				7	1	1986	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Học Viện Tài chính	Kế toán Doanh nghiệp		BRV01074		77.50	52.50	65.00		BRV00023
38	Đào Thị	Hoa				13	2	1983	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán Tài chính doanh nghiệp Thương Mại		BRV01130		55.00	58.75	62.50		BRV00076
39	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa				18	7	1994	Xã Ninh Tiến, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Trường Đại học Hoa Sen	Kế toán- Kiểm toán		BRV01142		45.00	67.50	70.00		BRV00027
40	Nguyễn Thị	Hồng				10	8	1991	Xã Quảng phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế- Luật	Tài chính - Ngân hàng	Con TB	BRV01229	20	70.00	71.25	75.00		BRV00075
41	Phạm Thúy	Hồng				2	1	1989	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học mở TP.HCM	Kế toán		BRV01237		VT	VT	VT		BRV00059
42	Phan Thị Thu	Hương				20	11	1991	Thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội	Kế toán		BRV01351		72.50	46.25	67.50		BRV00017
43	Trần Thị Ngọc	Hương				14	3	1988	Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Công Nghệ TPHCM	Kế toán		BRV01357		67.50	35.00	67.50		BRV00128
44	Nguyễn Thị	Hường				8	12	1989	Thôn Đào Xã, xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hải Hưng	Trường Đại học lạc Hồng	Kế toán Doanh nghiệp		BRV01366		VT	VT	VT		BRV00047
45	Nguyễn Thị Thu	Hường				8	1	1993	Tân Hương, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Trường Đại học Hà Tĩnh	Kế toán		BRV01368		42.50	37.50	57.50		BRV00106
46	Phạm Thị Ngọc	Huyền				2	11	1993	Nam Định	Trường Đại học mở TP.HCM	Kế toán		BRV01431		70.00	50.00	62.50		BRV00015
47	Phạm Thị Thanh	Huyền				6	6	1994	Hải Dương	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính		BRV01432		35.00	52.50	75.00		BRV00111
48	Phạm Thị Thu	Huyền				11	11	1982	Thịnh Long, Hải Hậu , Nam Định	Trường Đại học Dân lập Đông Đô	Kế toán		BRV01433		VT	VT	VT		BRV00056
49	Trịnh Thị	Huyền				2	11	1984	Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế TPHCM	Tài chính ngân hàng		BRV01446		75.00	53.75	67.50		BRV00013

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
50	Vũ Thương	Huyền				30	8	1991	Đội 1 thôn Đông Thành, xã Liên Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán - Kiểm toán		BRV01450		VT	VT	VT		BRV00135
51	Phạm Anh Tuấn	Khanh	15	10	1988				Gò Công, Tiền Giang	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV01479		70.00	53.75	70.00		BRV00094
52	Nguyễn Vũ Thiên	Kim				20	2	1992	Hải Dương	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Kế toán		BRV01576		VT	VT	VT		BRV00090
53	Đình Nhật	Lệ				29	9	1988	Ninh Bình	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV01652		72.50	57.50	75.00		BRV00080
54	Nguyễn Thị	Lịch				15	2	1991	Quảng Hưng, Quảng Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán - Kiểm toán		BRV01657		90.00	60.00	75.00		BRV00139
55	Đào Thị Thu	Liên				28	11	1988	Xã Thương Nông, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV01662		VT	VT	VT		BRV00060
56	Hồ Thị Thùy	Liên				24	1	1990	122 ấp Phước Trung, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính nhà nước		BRV01665		40.00	51.25	55.00		BRV00088
57	Vũ Thị	Liên				1	10	1990	Tân Lễ, Hưng Hà, Thái Bình	Học Viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng		BRV01680		85.00	51.25	82.50		BRV00113
58	Nguyễn Thanh	Linh				11	9	1987	1362 ấp Mỹ Hòa, Long Mỹ, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BRV01742		VT	VT	VT		BRV00092
59	Nguyễn Thị Mỹ	Linh				29	7	1989	Đà Nẵng	Trường Đại học Hùng Vương TP. HCM	Quản trị kinh doanh		BRV01750		VT	VT	VT		BRV00031
60	Nguyễn Thùy	Linh				3	5	1991	Tỉnh Tuyên Quang	Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu	Kế toán		BRV01763		VT	VT	VT		BRV00035
61	Trần Thị Phương	Linh				28	10	1992	Liên Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Kế toán		BRV01801		55.00	55.00	67.50		BRV00097
62	Nguyễn Thị	Loan				12	11	1989	Thôn Yên Xá, xã Phan Đình phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV01839		75.00	57.50	70.00		BRV00077
63	Nguyễn Văn	Lợi	2	7	1990				Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán		BRV01876		VT	VT	VT		BRV00071
64	Trần Thị	Ly				25	1	1988	Nghĩa Đức, Nghĩa Đào, Nghệ An	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại		BRV01938		47.50	63.75	57.50		BRV00117
65	Trần Thị Hồng	Lý				20	9	1989	Vũ Tây, Kiến Xương, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV01947		72.50	62.50	67.50		BRV00067
66	Đỗ Thị Thanh	Mai				7	11	1982	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán Tổng hợp		BRV01950		50.00	42.50	52.50		BRV00148
67	Lê Thị Ngọc	Mai				30	5	1986	Hà Tĩnh	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán		BRV01959		47.50	40.00	MT		BRV00038
68	Phan Thị Hoa	Mai				6	12	1986	Phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Trường Đại học Công Đoàn	Quản trị kinh doanh	DTTS	BRV01971	20	VT	VT	VT		BRV00029
69	Nguyễn Thị Tuyết	Minh				7	3	1988	Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV02018		82.50	62.50	67.50		BRV00016
70	Vũ Thành	Nam	8	5	1991				Hoảng Khánh, Hoảng Hóa, Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Quản trị kinh doanh		BRV02110		72.50	68.75	65.00		BRV00142
71	Nguyễn Thị	Nga				14	10	1983	Long Cầu, Đoàn Đào, Phù Cừ, Hưng Yên	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV02130		VT	VT	VT		BRV00098
72	Lê Thị Kim	Ngân				16	3	1992	ấp Phước Lộc, xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Công Nghệ TPHCM	Tài chính ngân hàng		BRV02178		VT	VT	VT		BRV00130
73	Lê Thị Ngọc	Ngân				22	6	1990	Thôn 2 Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV02181		80.00	56.25	72.50		BRV00010
74	Trần Thị Bảo	Ngọc				5	8	1988	Đức Long, Đức Thọ, Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kế toán Tổng hợp		BRV02343		VT	VT	VT		BRV00105
75	Cao Thị Minh	Nguyệt				10	4	1987	168/13 khu phố Phước Tiến, Phước Bửu, Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV02402		67.50	57.50	62.50		BRV00051

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
76	Tô Ánh	Nguyệt				24	7	1988	549 Khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị doanh nghiệp		BRV02414		VT	VT	VT		BRV00066
77	Trần Thị Minh	Nguyệt				15	6	1990	Xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Đà Lạt	Quản trị kinh doanh		BRV02417		65.00	48.75	65.00		BRV00004
78	Lê Bảo Yến	Nhi				10	11	1994	Quảng Trị	Trường Đại học Văn lang	Kế toán		BRV02466		VT	VT	VT		BRV00049
79	Phạm Thị Quỳnh	Như				23	5	1987	Gò Công, Tiền Giang	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị doanh nghiệp		BRV02545		42.50	35.00	67.50		BRV00095
80	Dương Thị Hồng	Nhung				26	12	1991	Hà Nam	Trường Đại học Văn lang	Kế toán		BRV02558		50.00	53.75	67.50		BRV00096
81	Lê Thị	Nhung				2	5	1989	Ngọc Sơn, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV02565		VT	VT	VT		BRV00145
82	Nguyễn Hồng	Nhung				5	11	1991	Hà Nam	Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật TP.HCM	Kế toán		BRV02570		72.50	48.75	65.00		BRV00040
83	Nguyễn Lâm Hồng	Nhung				14	12	1979	Thạnh Phú, Châu Thành, Tiền Giang	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		BRV02571		30.00	35.00	47.50		BRV00136
84	Nguyễn Thị Hồng	Nhung				26	7	1990	Nghệ An	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV02581		50.00	43.75	55.00		BRV00153
85	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung				23	12	1991	Nam Định	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Kế toán		BRV02584		VT	VT	VT		BRV00146
86	Nguyễn Trần Thủy	Nhung				22	9	1993	Hải Dương	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Kế toán		BRV02586		47.50	70.00	65.00		BRV00112
87	Nguyễn Trang	Nhung				18	9	1984	Long Sơn, Anh Sơn, Nghệ An	Học Viện Tài chính	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng		BRV02587		VT	VT	VT		BRV00115
88	Nguyễn Thị Xuân	Oanh				6	5	1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Công Nghệ TPHCM	Kế toán - Kiểm toán		BRV02654		62.50	50.00	62.50		BRV00078
89	Hoàng Đức	Phú	2	12	1986				Cộng Hòa, Nam Sách, Hải Dương	Trường Đại học Thương Mại	Kế toán Tài chính		BRV02702		70.00	53.75	72.50		BRV00083
90	Nguyễn Trần Tuấn	Phú	28	10	1992				Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Quản trị doanh nghiệp		BRV02710		52.50	36.25	65.00		BRV00018
91	Nguyễn Thị	Phúc				4	5	1992	Phước Thạnh, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán tài chính		BRV02732		40.00	31.25	55.00		BRV00133
92	Nguyễn Thị Mai	Phương				15	12	1988	Tiền Hải, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc Gia TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV02811		97.50	75.00	80.00		BRV00116
93	Trần Thị Ngọc	Phượng				15	10	1990	Hà Nội	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Kế toán		BRV02839		VT	VT	VT		BRV00134
94	Vũ Thị Thu	Phượng				3	3	1988	Đồng Thanh, Vũ Thư, Thái Bình	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV02853		57.50	50.00	50.00		BRV00141
95	Nguyễn Thị Bích	Phượng				7	7	1993	Quảng Ngãi	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán Tài chính		BRV02875		70.00	60.00	75.00		BRV00021
96	Mai Minh	Quang	21	1	1991				475 khu phố Hòa Hội, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV02920		75.00	42.50	67.50		BRV00048
97	Nguyễn Phạm Nhã	Quỳnh				1	2	1984	2655 khu phố 3, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV02957		VT	VT	VT		BRV00132
98	Mai Thị Hương	Quỳnh				5	9	1987	Thanh Hóa	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV01455		VT	VT	VT		BRV00085
99	Nguyễn Thị	Quỳnh				19	9	1987	Liên Thành, Cẩm Nhượng, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán		BRV02991		VT	VT	VT		BRV00087
100	Nguyễn Trúc	Quỳnh				1	9	1984	Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh hải Dương	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	Kinh tế và Quản lý công		BRV02998		VT	VT	VT		BRV00053
101	Từ Thị Ngọc	Sang				23	8	1990	ấp Đất Mới, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Trường Đại học Lạc Hồng	Kế toán - Kiểm toán		BRV03024		40.00	42.50	55.00		BRV00069
102	Nguyễn Thị	Sơn				12	6	1990	Xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM	Tài chính ngân hàng		BRV03053		55.00	42.50	62.50		BRV00127

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
103	Nguyễn Trường	Sơn	11	7	1993				tổ 3, ấp Bắc, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Quản trị		BRV03054		VT	VT	VT		BRV00020
104	Lê Thị	Tâm				15	1	1989	Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		BRV03112		57.50	40.00	52.50		BRV00140
105	Lương Thế	Tâm	27	10	1988				1ô1/33 khu phố Phước Điền, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, thành phố Bà Rịa	Trường Đại học Luật TP. HCM	Luật học		BRV03116		VT	VT	VT		BRV00147
106	Ngô Bảo	Thái	2	6	1985				30 Lê Ngọc Hân, phường 1, thành phố Vũng Tàu	Trường Đại học Khoa học ứng dụng và nghệ thuật Tây Bắc Thụy Sĩ	Tư vấn Quản trị		BRV03176		57.50	MT	MT		BRV00046
107	Trần Văn	Thân	10	7	1993				Thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Trường Đại học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		BRV03201		VT	VT	VT		BRV00119
108	Lê Thị Hồng	Thắng				27	12	1983	Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Vũng Tàu	Đại học Luật TP.HCM	Luật dân sự		BRV03206		VT	VT	VT		BRV00101
109	Ngô Thị	Thành				3	9	1990	xóm 12, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kinh tế		BRV03282		80.00	46.25	52.50		BRV00032
110	Bùi Phương	Thảo				4	5	1993	Xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trường Đại học Công nghệ TP.HCM	Kế toán tài chính		BRV03297		VT	VT	VT		BRV00019
111	Phạm Thanh	Thảo				8	5	1987	Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV03376		VT	VT	VT		BRV00045
112	Tô Thị Thu	Thảo				5	5	1990	Thôn Kinh Long Khánh, xã Mỹ Cát, huyện Phú Mỹ, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Kế toán		BRV03386		67.50	42.50	60.00		BRV00050
113	Đoàn Hữu	Thọ	16	2	1988				3ô1/37 khu phố Hải Phúc, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học mở TP.HCM	Chính sách kinh tế		BRV03465		55.00	46.25	62.50		BRV00011
114	Đỗ Thị Lệ	Thu				20	5	1991	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc Gia TP.HCM	Luật kinh doanh		BRV03506		65.00	55.00	55.00		BRV00034
115	Lê Xuân	Thu				26	10	1981	Bắc Giang	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Kế toán- Kiểm toán		BRV03512		57.50	53.75	72.50		BRV00014
116	Nguyễn Thị	Thu				15	6	1988	Xã Yên Khang, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		BRV03514		72.50	57.50	80.00		BRV00126
117	Bùi Thị Anh	Thư				8	5	1993	tổ 1, ấp Đông, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Tài chính công		BRV03530		VT	VT	VT		BRV00155
118	Nguyễn Hoàng Anh	Thư				11	9	1992	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Ngân hàng		BRV03554		57.50	61.25	72.50		BRV00030
119	Nguyễn Văn	Thuận	16	9	1992				Quảng Trị	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	Kế toán	Con TB	BRV03596	20	VT	VT	VT		BRV00131
120	Nguyễn Yến Hải	Thuận				19	8	1994	2/12 Bà Triệu, phường 1, thành phố Vũng Tàu	Trường Đại học Mở TP. HCM	Kế toán		BRV03597		45.00	41.25	55.00		BRV00144
121	Đào Thị Minh	Thương				20	7	1986	Kiêu Huyền, Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	Học Viện Tài chính	Quản trị kinh doanh thương mại		BRV03607		VT	VT	VT		BRV00154
122	Đỗ Thị	Thùy				2	2	1982	Xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	Đại học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		BRV03673		62.50	MT	52.50		BRV00118
123	Nguyễn Thị Xuân	Thùy				10	8	1994	thôn vùng 4, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính Kế toán	Kế toán doanh nghiệp		BRV03683		85.00	55.00	60.00		BRV00108
124	Vũ Thị Yến	Thùy				4	6	1993	Hoảng Khánh - Hoảng Hóa - Thanh Hóa	Đại học Kinh tế TPHCM	Kiểm toán		BRV03688		92.50	80.00	70.00		BRV00156
125	Nguyễn Thị Thu	Thùy				1	8	1987	xóm Quyết Tiến, xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Trường Đại học Ngoại Thương	Quản trị kinh doanh		BRV03713		VT	VT	VT		BRV00042
126	Phạm Thị Thanh	Thùy				21	1	1994	Thái Bình	Đại học Luật TP.HCM	Luật Quốc tế		BRV03715		VT	VT	VT		BRV00041

ng

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
127	Nguyễn Thị Mai	Thy				23	11	1992	Quảng Nam	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Quản trị kinh doanh tổng hợp		BRV03728		97.50	70.00	77.50		BRV00055
128	Đoàn Thị Thu	Trầm				14	4	1990	181 ô2, khu phố Thanh Bình, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ	Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính nhà nước		BRV03871		37.50	50.00	67.50		BRV00129
129	Lê Thị Thu	Trang				5	12	1992	Hà Tĩnh	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán Tài chính		BRV03947		VT	VT	VT		BRV00107
130	Ngô Thị Huyền	Trang				5	11	1990	Tỉnh Thái Bình	Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán		BRV03954		VT	VT	VT		BRV00074
131	Nguyễn Huyền	Trang				26	5	1993	Nam Định	Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM	Kinh tế tài nguyên môi trường		BRV03961		VT	VT	VT		BRV00022
132	Phạm Thị Huyền	Trang				16	10	1987	Tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV04006		VT	VT	VT		BRV00121
133	Phạm Thị Thanh	Trang				20	9	1983	tổ dân phố 4, phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh hòa	Trường Đại học mở TP.HCM	Quản trị kinh doanh		BRV04009		VT	MT	VT		BRV00024
134	Phan Thị Ngọc	Trang				8	7	1992	Thôn 6, Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình	Trường Đại học Đà Lạt	Kế toán		BRV04013		VT	VT	VT		BRV00002
135	Lý Đức	Trí	23	9	1988				127/8 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Ngân hàng		BRV04055		VT	VT	VT		BRV00100
136	Lê Anh	Trình				18	10	1994	Thôn Mai Đan, xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế - Luật	Kế toán		BRV04084		60.00	52.50	55.00		BRV00006
137	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú				7	1	1974	Bình Định	Trường Đại học Mở Bán công TP. HCM	Kinh tế		BRV04223		35.00	32.50	47.50		BRV00007
138	Nguyễn Thị Cẩm	Tú				23	1	1991	Thọ Xuân, Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TPHCM	Kế toán		BRV04229		VT	VT	VT		BRV00143
139	Nguyễn Trí	Tuấn	29	4	1990				Hương Sơn, Hà Tĩnh	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM	Tài chính doanh nghiệp		BRV04271		70.00	78.75	60.00		BRV00058
140	Nguyễn Thị Thanh	Tùng				14	4	1990	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV04300		85.00	65.00	77.50		BRV00114
141	Vũ Thanh	Tùng	10	4	1990				Hồng Quang, Thanh Miên, Hải Dương	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV04305		82.50	67.50	65.00		BRV00063
142	Lê Thị Phương	Uyển				2	7	1993	Nghệ An	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Kế toán		BRV04392		67.50	76.25	92.50		BRV00104
143	Lê Thị Hồng	Vân				16	8	1992	Hải Dương	Trường Đại học Công nghiệp TPHCM	Quản trị kinh doanh		BRV04423		35.00	52.50	67.50		BRV00037
144	Nguyễn Thị Cẩm	Vân				10	12	1992	Xã Thạch Thượng, huyện Thạch Hà, tỉnh hà Tĩnh	Trường Đại học Ngoại Thương	Tài chính Quốc tế		BRV04440		47.50	80.00	62.50		BRV00039
145	Phan Thị	Vân				6	7	1994	Nghĩa Đức, Nghĩa Đàn, Nghệ An	Trường Đại học Vinh	Luật học		BRV04459		VT	VT	VT		BRV00152
146	Phan Thị Hải	Vân				22	1	1992	Xã Thạch Liên, Huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Trường Đại học Sài Gòn	Kế toán		BRV04460		VT	VT	VT		BRV00137
147	Nguyễn Lê Tường	Vi				29	12	1993	Đồng Tháp	Trường Đại học Tài chính TP.HCM	Kế toán- Kiểm toán		BRV04504		57.50	67.50	75.00		BRV00110
148	Đình Công	Vinh	19	12	1989				Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính nhà nước		BRV04528		62.50	47.50	62.50		BRV00044
149	Bùi Thị Tường	Vy				5	3	1983	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Mở TP. HCM	Tài chính - Ngân hàng		BRV04495		47.50	51.25	60.00		BRV00149
150	Hồ Gia Tường	Vy				5	7	1994	Thừa Thiên Huế	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Kế toán - Kiểm toán		BRV04566		65.00	76.25	80.00		BRV00008
151	Phan Nguyễn Thúy	Vy				24	2	1995	Vĩnh Trung, Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tài chính công		BRV04575		62.50	75.00	80.00		BRV00157
152	Trần Khánh	Vy				20	12	1993	Thành phố Hải Phòng	Đại học Giao thông vận tải	Kinh tế vận tải biển		BRV04577		57.50	80.00	67.50		BRV00125
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
1	Đình Thị Minh	Hằng				16	9	1989	Ninh Bình	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Công nghệ thông tin		BRV04710		VT	VT			BRV00061
2	Vũ Thanh	Hòa	25	6	1991				Xã Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ thông tin	Con TB	BRV04718	20	85.00	68.75			BRV00089

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Đỗ Thái	Nhật	8	3	1989				Thôn 4, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Trường Đại học Lạc Hồng	Công nghệ thông tin		BRV04774		30.00	40.00			BRV00122
4	Nguyễn Đình	Phước	26	2	1988				20 Trương Phúc Phan, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Trường Đại học mở TP.HCM	Tin học-Mạng máy tính	HTNVQS	BRV04783	10	VT	VT			BRV00009
5	Hồ Lê Nguyên	Vũ	29	11	1985				Thừa Thiên Huế	Viện Đại Học Mở Hà Nội	Công nghệ thông tin		BRV04871		VT	VT			BRV00062
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			

nghe